

Số: 42/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La về việc quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018- 2020;

Căn cứ Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá bản Mòn xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên;

Căn cứ Công văn số 3756/UBND-KTTH ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo danh mục, mức vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng giai đoạn 2012-2015 thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên;

Căn cứ Công văn số 929/UBND-TH ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Báo cáo số 754/BCTĐ-SKHDT ngày 18/9/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án khởi công mới năm 2019-2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

Căn cứ Thông báo số 1061-TB/BCH ngày 11.12.2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Thông báo số 1058-TB/BTV ngày 10.12.2018 của Ban Thường vụ huyện ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 03/7/2018 của HĐND huyện Bắc Yên về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 177/TTHĐND ngày 04/12/2018 của Thường trực HĐND huyện về việc cho ý kiến vào nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 2189/TTr-UBND ngày 11/12/2018 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 86/BC-KTXH ngày 15/12/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến thảo luận và phiếu biểu quyết của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp thứ bảy,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 với những nội dung như sau:

I. NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 – 2020 theo quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La.

- Ưu tiên bố trí vốn trả nợ khối lượng hoàn thành, thực hiện dự án chuyển tiếp, số vốn còn lại bố trí khởi công mới các dự án khác.

- Thực hiện điều chỉnh chi tiết cơ cấu vốn theo đúng số vốn giao, đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, đảm bảo đúng đối tượng đầu tư của từng nguồn vốn.

- Bổ sung đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn các dự án đã thực hiện (đã bàn giao đưa vào sử dụng) sử dụng vốn đầu tư công có quy trình thủ tục đầu tư tuân thủ theo Luật Đầu tư công đảm bảo điều kiện được bố trí vốn quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách phân cấp cho huyện:

- Điều chỉnh quy mô của 02 công trình.

- Điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020 của một số dự án hoàn thành.

(Có biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo).

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Điều chỉnh danh mục dự án, bổ sung mới 01 công trình.

(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo).

3. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổng 166.241,0 triệu đồng. Trong đó:

- Giai đoạn 2016-2018 là: 66.915,7 triệu đồng (NSTW NTM: 51.666,4 triệu đồng, TPCP 15.249,3 triệu đồng).

- Giai đoạn 2019-2020 là: **99.325,3** triệu đồng. Trong đó:
- + Bố trí trả nợ các dự án khởi công năm 2018 là: **12.974,0** triệu đồng.
- + Bố trí khởi công mới năm 2019-2020 là: **86.351,3** triệu đồng với tổng số **250** dự án thuộc các lĩnh vực giao thông (176 dự án), thủy lợi (05 dự án), cấp nước sinh hoạt (21 dự án), cơ sở hạ tầng trường học (23 dự án), nhà văn hóa (10 dự án), sân thể thao (12 dự án), trạm y tế (02 dự án), công trình xử lý rác thải (01 dự án). Có tổng mức đầu tư là **121.434,0** triệu đồng (Trong đó: Vốn NSTW là 86.351,3 triệu đồng; vốn dân góp, khác là 35.082,7 triệu đồng).

(Có biểu chi tiết số 04 và 4.1 kèm theo).

4. Bổ sung các dự án đã thực hiện đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020: 40.855,25 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn dự phòng, tăng thu ngân sách huyện: 6.067,11 triệu đồng.
- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: 34.788,14 triệu đồng.

(Có các biểu chi tiết số 05 kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện:

1.1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định. Giao kế hoạch đầu tư cho các đơn vị thực hiện khi đảm bảo các điều kiện. Chủ động rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đảm bảo phù hợp với kết quả thẩm định vốn và kế hoạch đầu tư công của tỉnh.

1.2. Đối với các dự án ngoài khu ở đầu tư bằng nguồn thu tiền sử dụng đất, UBND huyện thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, giao Thường trực HĐND huyện xem xét, giải quyết các nội dung do UBND huyện trình, đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công và báo cáo kết quả với HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, các tổ đại biểu HĐND huyện, đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Các nội dung khác giữ nguyên và tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 03/7/2018 của HĐND huyện Bắc Yên.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên khoá XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Nơi nhận:

- TT HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND - UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Phòng Kiểm tra văn bản Sở Tư pháp tỉnh;
- Trung tâm Công báo VP UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UB MTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các xã, thị trấn;
- LĐ, CVVP; - Lưu: VT, 140 bản.

CHỦ TỊCH



Lừ Văn Là

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN
BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHÂN CẤP CHO HUYỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020**



(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND huyện Bắc Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: 1 triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung đã phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND			Nội dung điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
			Năng lực thiết kế	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Năng lực thiết kế	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	
1	2	3	4	5	6	9	10	11	14
I	KHOI CÔNG MỚI NĂM 2019-2020 (Điều chỉnh quy mô)								
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Xím Vàng	Xã Xím Vàng	Cải tạo, nâng cấp từ 2 tầng lên 3 tầng	659-18/5/2018	1.200,0	Cải tạo, nâng cấp trụ sở 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2079 - 28/8/2018	1.200,0	Đảm bảo theo năng lực thực tế công trình
2	Nâng cấp hệ thống rãnh dọc đường vành đai (đoạn ngã ba Huyện đội đến công Bệnh viện)	Thị trấn	Rãnh dọc: Dài = 528m, hai bên đường xây BTCT 700 x 700mm. Tám đan rãnh dọc: Đầu tư mới 100% dây 12cm. Cao độ bằng với mặt đường. - Vía hè: san đảo	661-18/5/2018	2.238,4	Rãnh dọc dài 879,18m; hai bên đường đổ rãnh BTCT mác 200#, đá 1x2; mặt cắt rãnh có KT 700x700mm. Tám đan đầu tư mới 100% đồ BTCT mác 200#, đá 1x2, dày 12cm, cao độ bằng với mặt đường. San đảo đất vỉa hè	661-18/5/2018	2.238,4	Nâng cao hiệu quả đầu tư, đáp ứng nhu cầu thực tế

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN MỘT SỐ DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN
BỔ SUNG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH PHÂN CẤP CHO HUYỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020**
(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND huyện Bắc Yên)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Địa điểm XD	Nội dung đã phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND						Lũy kế khối lượng hoàn thành quyết toán A-B đến 30/11/2018				Phương án điều chỉnh tổng KH vốn XDCBT giai đoạn 2016-2020			Tổng kế hoạch vốn XDCBT giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QB đầu tư		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Tổng kế hoạch vốn XDCBT giai đoạn 2016-2020	Tổng cộng	Trong đó			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban	TMDT				Nguồn XDCBT	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn tăng thu NS và vốn khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TỔNG CỘNG																
I	Điều chỉnh KH vốn 02 dự án khởi công năm 2016					34.684,993	27.999,100	24.135,000	32.639,032	24.135,000	5.169,976	3.334,056	826,230	826,230	24.135,000	
1	Trụ sở xã Song Pe		3 Tầng	2016-2017	410-26/02/2016	8.972,630	8.238,100	4.960,000	8.411,453	5.007,421	669,976	2.734,056	37,549	84,970	5.007,421	
2	Nước sinh hoạt bản Co Mường		134 hộ	2016-2017	386-25/02/2016	6.976,000	6.438,100	3.160,000	6.649,002	3.244,970	669,976	2.734,056		84,970	3.244,970	
II	Điều chỉnh KH vốn 09 dự án khởi công năm 2017					1.996,630	1.800,000	1.800,000	1.762,451	1.762,451			37,549		1.762,451	
1	Trụ sở xã Phiêng Cón		3 Tầng	2017-2018	2868-31/10/2016	21.181,814	19.761,000	14.829,000	20.087,141	14.987,141	4.500,000	600,000	468,098	626,239	14.987,141	
2	Trụ sở xã Hồng Ngài		3 Tầng	2017-2018	2876-31/10/2016	6.899,610	6.860,000	4.430,000	6.704,163	4.354,163	1.750,000	600,000	75,837		4.354,163	
3	Nhà công vụ cho giáo viên điểm trường bản Chìm thượng, xã Chìm Vân		Cấp 3, 1 tầng 3 phòng	2017-2018	2867-31/3/2016	6.998,972	6.004,000	3.502,000	6.855,974	4.105,974	2.750,000			603,974	4.105,974	
4	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Phúc		230 hộ	2017-2018	2871-31/10/2016	708,113	678,000	678,000	684,146	684,146				6,146	684,146	
5	Nhà công vụ UBND xã Chiềng Sại		cấp 3, 1 tầng 5p	2017-2018	2866-31/10/2016	1.180,204	1.130,000	1.130,000	893,521	893,521			236,479		893,521	
6	Nâng cấp, sửa chữa NSH bản Co Mường		5 km 135 hộ	2017-2018	2865-31/10/2016	999,746	984,000	984,000	967,881	967,881			72,081		1.097,919	
7	Điện hạ thế bản Mới A		Trạm biến áp; Đường dây 35Kv - 0,5 km (24 hộ)	2017-2018	2870-31/10/2016	957,099	870,000	870,000	886,119	886,119				16,119	886,119	
8	Điện sinh hoạt bản Lào Lay		Đường dây 35Kv - 1,5km (12 hộ); trạm biến áp 53 hộ.	2017-2018	2869-31/10/2016	995,423	995,000	995,000	952,568	952,568			42,432		952,568	
9	Công trình nước sinh hoạt bản Phố		56 hộ	2017-2018	2872-31/10/2016	1.222,500	1.070,000	1.070,000	1.044,850	1.044,850			25,150		1.044,850	

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỘC NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND huyện Bắc Yên)



Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án												
TT	Địa điểm XD	Nội dung đã phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND				Nội dung điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú		
		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMDT dự kiến	Nhu cầu 2019-2020	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMDT dự kiến	Đã phân bổ 2018		Nhu cầu 2019-2020	
I	DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỎ RA KHỎI KẾ HOẠCH			1.023,4	1.023,4							
I	Nâng cấp, sửa chữa đường Quốc lộ 37 đi nghĩa trang huyện	Thị trấn	Dải thảm bê tông nhựa tuyến L= 240m; Bm= 4m; Dày 0,07m	2018	1.023,4	1.023,4						Bỏ ra khỏi danh mục do đã bố trí vốn sự nghiệp
II	DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỎ SUNG VÀO KẾ HOẠCH							14.744,5	3.527,6	216,9		
I	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá tại bản Môn, xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên	Xã Hua Nhân					San nền, đường giao thông, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, lớp học mầm non; đền bù GPMB và hỗ trợ ổn định đời sống	2015-2018	14.744,5	3.527,6	216,9	Dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 2662/QĐ-UBND ngày 26/10/2018

Đơn vị: Triệu đồng																											
Nội dung đã phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND																											
TT	Nội dung	Lấy kế vốn đã bố trí										Số vốn thực tế đã bố trí đến thời điểm báo cáo										Kế hoạch dự kiến 2019-2020					
		QĐ phê duyệt dự án					Tổng mức đầu tư được duyệt					Trong đó					Trong đó					Lấy kế vốn đã bố trí					Kế hoạch dự kiến 2019-2020
		Trong đó					Tổng số					Trong đó					Trong đó					Trong đó					
		NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	TPCP	NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	NSTW	Vốn khác (30a, 135...)	Dân góp	Tổng số	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	TỔNG CỘNG (A+B)	197.050,7	142.590,5	28.626,5	20.833,7	67.977,1	52.677,8	5.251,0	33.372,0	24.054,8	15.249,3	98.286,8	66.915,7	51.666,4	15.249,3	235.044,4	153.580,2	38.845,7	42.571,1	66.915,7	51.666,4	5.251,2	23.372,2	23.043,0	15.249,3	99.325,3	
I	GIẢI ĐOÀN 2016-2018 (I+H+II)	113.665,8	77.628,8	28.626,5	7.410,5	67.977,1	52.677,8	5.251,0	33.372,0	24.054,8	15.249,3	23.352,6	66.915,7	51.666,4	15.249,3	113.610,3	67.228,9	38.845,7	7.434,3	66.915,7	51.666,4	5.251,2	23.372,2	23.043,0	15.249,3	12.974,0	
	Dự án khởi công năm 2016	28.203,0	9.815,2	18.387,8	0,0	20.500,3	5.251,0	5.251,0	0,0	0,0	15.249,3	0,0	20.500,5	5.251,2	15.249,3	28.340,3	9.815,2	18.423,7	0,0	20.500,5	5.251,2	5.251,2	0,0	0,0	15.249,3		
	Trong đó: Điều chỉnh chi tiết cơ cấu vốn 06 dự án khởi công năm 2016	14.464,5	9.815,2	4.649,3	0,0	10.893,5	5.251,0	5.251,0	0,0	0,0	5.642,5	0,0	10.893,7	5.251,2	5.642,5	14.601,9	9.815,2	4.786,6	0,0	10.893,7	5.251,2	5.251,2	0,0	0,0	5.642,5	0,0	
*	Nguồn NSTW thực hiện NTM	9.815,2	9.815,2	0,0	0,0	6.601,6	5.251,0	5.251,0	0,0	0,0	1.350,6	0,0	6.601,8	5.251,2	1.109,5	3.749,5	3.606,1	3.606,1	0,0	6.601,8	5.251,2	5.251,2	0,0	0,0	1.350,6	0,0	
1	Trạm y tế xã Pắc Nà	3.749,5	3.749,5			2.688,5	1.579,0	1.579,0			1.109,5		3.749,5	3.749,5	3.749,5	3.749,5	3.606,1	3.606,1		3.749,5	3.749,5				1.109,5		
2	Trạm y tế xã Tạ Khoa	3.606,1	3.606,1			2.430,0	2.430,0	2.430,0			1.109,5		3.274,5	2.165,0	1.109,5	3.749,5	3.606,1	3.606,1		3.274,5	2.165,0	2.165,0			6,0	1.350,6	0,0
3	Trạm y tế xã Phiêng Cón	2.439,6	2.439,6			1.483,1	1.242,0	1.242,0			241,1		1.497,3	1.256,2	241,1	2.459,6	2.459,6			1.497,3	1.256,2	1.256,2			241,1		
**	Nguồn TPCP thực hiện NTM	4.649,3	0,0	4.649,3	0,0	4.291,9	0,0	0,0	0,0	0,0	4.291,9	0,0	4.291,9	0,0	4.291,9	4.786,6	0,0	4.786,6	6,0	4.291,9	0,0	0,0	0,0	0,0	4.291,9	0,0	
1	Nhà Hiệu bộ trưởng MN xã Mường Khoa Ban I	1.998,6	1.998,6			1.869,1					1.869,1		1.869,1		1.869,1	2.100,0	2.100,0			1.869,1					1.869,1		
2	Nhà hiệu bộ trưởng MN xã Mường Khoa	1.658,6	1.658,6			1.482,8					1.482,8		1.526,7	1.694,5	1.526,7	1.694,5	1.694,5			1.526,7					1.526,7		
3	Nhà hiệu bộ trưởng Trường Mầm non xã Tạ Xúa	992,1	992,1			940,0					940,0		896,1	992,1	896,1	992,1	992,1			896,1					896,1		
II	Dự án khởi công năm 2017	27.508,3	27.508,3	0,0	0,0	30.477,0	30.477,0	0,0	23.372,0	7.105,0	0,0	0,0	29.465,4	29.465,4	0,0	27.508,3	27.508,3	0,0	0,0	411,0	411,0	0,0	23.372,2	6.093,2	0,0	0,0	
	Trong đó điều chỉnh chi tiết:																										
*	Điều chỉnh vốn trả nợ cho 01 dự án khởi công 2016	0,0	0,0	0,0	0,0	419,0	419,0	0,0	419,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	411,0	411,0	0,0	411,0	0,0	0,0		
1	Trạm y tế xã Pắc Nà					419,0	419,0		419,0		419,0									411,0	411,0						
	Điều chỉnh giảm vốn đã bố trí cho các Dự án khởi công mới năm 2017 theo khối lượng hoàn thành nghiệm thu quyết toán	27.508,3	27.508,3			27.508,0	27.508,0		20.403,0	7.105,0			26.504,4	26.504,4		27.508,3	27.508,3						20.411,2	6.093,2	0,0		
**	Dự án khởi công năm 2018	57.959,7	40.310,5	10.238,7	7.410,5	16.949,8	16.949,8	0,0	0,0	16.949,8	0,0	0,0	23.352,6	16.949,8	16.949,8	0,0	57.761,7	29.905,4	20.422,0	7.434,3	15.949,8	16.949,8	0,0	16.949,8	0,0	12.974,0	
III	KHOẢNG CÁCH MỚI 2019-2020	78.384,9	64.961,7	0,0	13.423,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	74.934,2	121.434,0	86.351,3	0,0	35.083,8								86.351,3		